TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 165/2021/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 25 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 128/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc " Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn", giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn Ph, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Đoàn Bá Th - sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn Ph, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 7 Điều 26, điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị H và anh Đoàn Bá Th

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đoàn Bá Th có đăng ký kết hôn hợp pháp, quá trình chung sống vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay các bên xét thấy, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất thuận tình ly hôn.

-Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đoàn Bá Th có 02 con chung, cháu đầu là Đoàn Thị Nh, sinh ngày 17/3/1998 và cháu Đoàn Thị A, sinh ngày 11/6/2002. Hiện nay hai cháu đã thành niên, cháu Nh đã lập gia đình riêng nên không giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng thống nhất có khối tài sản nhà, đất chung, tại thôn Phú X, xã H, 01 xe ô tô và một số công nợ chung nhưng tự thỏa thuận phân chia trước khi Tòa án tiến hành hòa giải, việc tự thỏa thuận phân chia tài sản được các bên lập thành văn bản có xác nhận của chính quyền địa phương, theo văn bản tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, công nợ chung vào ngày 12/11/2021 và có đơn đề nghị Tòa án ghi nhận việc phân chia tài sản chung, nghĩa vụ công nợ chung, các nội dung yêu cầu ghi nhận gồm:

1. Về đất ở: Vợ chồng anh Th, chị H, được đứng tên diện tích đất tại thửa số 151, tờ bản đồ số 28, diện tích sử dụng 668,0m^2, loại đất ở nông thôn, tại Thôn Phú X, xã H, huyện H. Nguồn gốc sử dụng đất là nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Toàn bộ diện tích đất trên được UBND huyện H, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Đoàn Bá Th và chị Nguyễn Thị H vào ngày 30/8/2007. Vào sổ cấp giấy: H00724. Thửa đất có tứ cận: Phía Đông giáp với hộ bà Đoàn Thị Th; Phía Tây tiếp giáp với đình làng thôn Phú X; Phía Bắc giáp với hộ ông Đoàn Bá H; Phía Nam giáp với ngõ đi chung và khu dân cư, hướng ra đường trục chính của thôn Phú X.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị H được hưởng phần diện tích đất ở là 176m^2 trong diện tích đất 668,0m^2 tại thửa 151, tờ bản đồ số 28, đất được Nhà nước giao. Phần diện tích tách chia cho chị Huệ được quyền sử dụng, được xác định tại vị trí phía Đông thửa đất, cụ thể: Cạnh đất phía Đông tiếp giáp với thửa đất nhà bà Đoàn Thị Th (Là chị gái anh Đoàn Bá Th); Cạnh đất ranh giới phía Tây nằm trong phần đất chung mang tên anh Th, chị H, chiều dài cạnh đất là 23m tính từ phía Nam tiếp giáp lối đi chung kéo về phía Bắc thửa đất. Cạnh đất phía Nam rộng 7,5m tiếp giáp lối đi với nhà bà Th, hướng đi ra đường trục chính của thôn Phú X có xây tường rào bằng gạch. Cạnh đất phía Bắc rộng 6,5m. (Kèm theo sơ đồ vị trí đo vẽ phần đất).

2.Tài sản trên đất: Một ngôi nhà cấp 4, được xây dựng, tu sửa lại vào năm 2005, công trình phụ, nhà tắm, nhà vệ sinh và mái tôn phía sau nhà. Diện tích xây dựng khoảng 400m^2. Sân lát gạch men, mái lập tôn và các công trình xây dựng khác. Ghi nhận anh Th được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ công trình, tài sản trên đất và diện tích đất còn lại sau khi trừ phần diện tích 176m^2 chia cho chị H.

Chị H, anh Th có quyền đề nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tách thửa đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, Biển kiểm soát: 27353, mua năm 2017. Đứng tên đăng ký anh Đoàn Bá Th. Ghi nhận anh Đoàn Bá Th được quyền quản lý, sử dụng và định đoạt.

4.Về công nợ chung:

- Nợ của con gái là Đoàn Thị Nh số tiền 50.000.000đ và 2,2 cây vàng, tương đương giá trị tiền tại thời điểm tự thỏa thuận là 100.000.000đ. Tổng cộng nợ là: 150.000.000đ. Nợ Quỹ tín dụng nhân dân Ng số tiền 60.000.000đ, được vay vào tháng 06/2021, thời hạn vay 12 tháng. Mục đích vay là để trả tiền mua xe ô tô. Ghi nhận anh Đoàn Bá Th có trách nhiệm trả nợ cho con gái là Đoàn Thị Nh số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) khi có yêu cầu và số tiền nợ gốc 60.000.000đ và trả lãi hàng tháng theo Hợp đồng tín dụng cho Quỹ tín dụng nhân dân Ng khi đến hạn trả.

-Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Nguyễn Thị H và anh Đoàn Bá Th thống nhất, chị H tự nguyện án phí ly hôn là 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 19.200.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0008710 ngày 08/10/2021. Chị H còn được nhận lại số tiền 19.050.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nghi